

BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG GIAO TIẾP VÀ TƯƠNG TÁC XÃ HỘI CHO TRẺ TỰ KỶ CHỨC NĂNG CAO HỌC HÒA NHẬP CẤP TIỂU HỌC

Đinh Nguyễn Trang Thu

Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Giáo dục hòa nhập là xu thế tất yếu và phù hợp với học sinh khuyết tật - điều này đã được chứng minh cả về mặt lí luận và thực tiễn. Trẻ tự kỷ chức năng cao có khả năng nhận thức nhất định, do vậy các em vẫn có nhiều khả năng tham gia vào môi trường giáo dục hòa nhập. Tuy nhiên, do những hạn chế về kĩ năng giao tiếp, tương tác xã hội mà trẻ tự kỷ chức năng cao vẫn gặp nhiều hạn chế trong việc tham gia học tập và hòa nhập. Bởi vậy, việc xác định các khả năng, từ đó đề xuất được các biện pháp nhằm rèn luyện về kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội cho các trẻ này sẽ hỗ trợ và góp phần không nhỏ tác động đến chất lượng học của các em trong môi trường hòa nhập.

Từ khóa: Tự kỷ chức năng cao, kĩ năng giao tiếp, tương tác xã hội, giáo dục hòa nhập.

1. Mở đầu

Lịch sử giáo dục đặc biệt đã được khởi đầu từ các phương thức giáo dục chuyên biệt, bán hòa nhập và hiện nay đang đi theo xu hướng là phương thức giáo dục hòa nhập (GDHN). Theo bản tuyên bố Salamanca (từ Hội nghị quốc tế UNESCO ở Salamanca về giáo dục đặc biệt năm 1994) đã khẳng định: GDHN là cách tốt nhất để đấu tranh với những thái độ phân biệt đối xử, để xây dựng một xã hội hòa nhập và tiến tới giáo dục cho tất cả mọi người (UNESCO, 1994). Tại Việt Nam, bắt đầu từ những năm 1990, GDHN được khởi đầu thông qua dự án thí điểm của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tại một số tỉnh thành và đã huy động được một số lượng lớn trẻ khuyết tật tham gia vào giáo dục. Theo kết quả thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết thúc năm học 2012-2013 đã có khoảng hơn 500.000 trẻ khuyết tật cấp tiểu học đã được ra lớp hòa nhập [1].

Cùng với số lượng và tỉ lệ trẻ khuyết tật đến trường ngày càng tăng, số lượng trẻ tự kỷ chức năng cao tham gia vào các trường lớp hòa nhập cũng ngày càng nhiều. Các trẻ này có khả năng hòa nhập tốt bởi các em có năng lực trí tuệ không quá kém xa so với các bạn cùng trang lứa, thậm chí một số trường hợp các em còn đạt khả năng trí tuệ cao hơn so với mức trung bình. Tuy nhiên, vì các em đều nằm trong rối loạn phổ tự kỷ, do vậy các em cũng mang những đặc trưng của trẻ tự kỷ, đó là khó khăn về lĩnh vực ngôn ngữ và tương tác xã hội, làm hạn chế việc tham gia học tập và hòa nhập.

Liên hệ: Đinh Nguyễn Trang Thu, e-mail: trangthudn@yahoo.com.

Với hoạt động chủ đạo là học tập, khác với hoạt động vui chơi ở bậc mầm non trước đó, bậc tiểu học có môi trường giáo dục hoàn toàn khác, đòi hỏi học sinh phải có những kỹ năng tương tác xã hội nhất định, giúp các em tiếp cận và lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng cần thiết để có thể học tiếp lên các bậc học cao hơn cũng như có khả năng hòa nhập vào xã hội sau này.

Do vậy, việc xác định rõ các kỹ năng về giao tiếp và tương tác xã hội, từ đó đề xuất được các biện pháp rèn luyện các kỹ năng này ở học sinh tiểu học sẽ có ý nghĩa trong việc hỗ trợ các trẻ khuyết tật, trong đó bao gồm cả trẻ tự kỉ chức năng cao đang học tiểu học hòa nhập.

2. Nội dung nghiên cứu

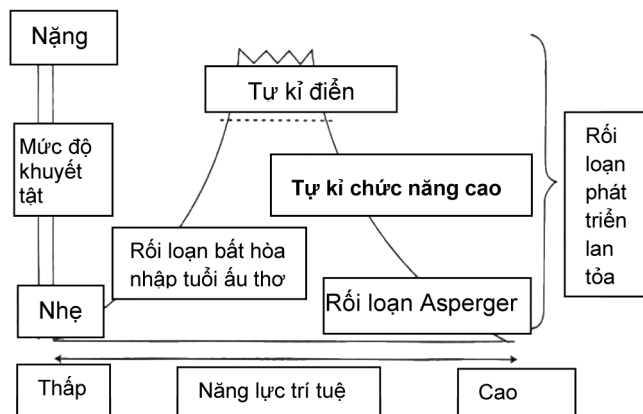
2.1. Những vấn đề chung về rối loạn phổ tự kỉ

Lịch sử nghiên cứu về tự kỉ được bắt đầu từ năm 1943, sau các công trình nghiên cứu chính thức của hai nhà tâm lý - bác sĩ là Leo Kanner (người Ukraine, năm 1943) và Hans Asperger (người Áo, năm 1944). Những thay đổi về thuật ngữ, khái niệm, tiêu chí chẩn đoán tự kỉ có thể được tìm thấy rõ nhất trong lịch sử phát triển của hai hệ thống phân loại quốc tế. Đó là, Bảng thống kê, phân loại Quốc tế về các bệnh và những vấn đề liên quan đến sức khỏe (International Statistical Classification of Diseases and Related Health Problems - ICD) của Tổ chức Y tế thế giới (World Health Organisation -WHO) và Sổ tay chẩn đoán và thống kê những rối nhiễu tinh thần (Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders - DSM) của Hội tâm thần Mỹ (American Psychiatric Association). Thuật ngữ rối loạn phổ tự kỉ (Autism Spectrum Disorders - ASDs) bắt đầu được xem xét vào những năm 70 và 80 của thế kỷ XX và thuật ngữ này thường được xem là đồng nghĩa với rối loạn phát triển lan tỏa (Pervasive Developmental Disorders - PDDs) [3]. Hiện nay, khái niệm tương đối đầy đủ và được sử dụng phổ biến nhất là khái niệm của tổ chức Liên hiệp quốc, đưa ra vào năm 2008, trong đó tự kỉ được định nghĩa một cách đầy đủ như sau: “Tự kỉ là một loại khuyết tật phát triển tồn tại suốt đời, thường được thể hiện ra ngoài trong 3 năm đầu đời. Tự kỉ là do một rối loạn thần kinh ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của não bộ gây nên, chủ yếu ảnh hưởng đến trẻ em và người lớn ở nhiều quốc gia không phân biệt giới tính, chủng tộc hoặc điều kiện kinh tế - xã hội. Đặc điểm của nó là sự khó khăn trong tương tác xã hội, các vấn đề về giao tiếp bằng lời nói và không bằng lời nói, và có các hành vi, sở thích và hoạt động lặp đi lặp lại và hạn hẹp” (Theo chuyên trang của tổ chức Liên hiệp quốc, địa chỉ trang web: <http://www.un.org/en/events/autismday/index.shtml>). Như vậy, một trẻ/người có hội chứng tự kỉ phải có những biểu hiện lâm sàng đặc trưng ở ba lĩnh vực như dưới đây [2]:

1. Có khó khăn về tương tác xã hội, với các biểu hiện đặc trưng: thiếu kết nối chú ý, cử chỉ giao tiếp; ít đáp ứng gọi tên, giao tiếp mắt; không biết khoe; thiếu chia sẻ tình cảm; không chơi với trẻ cùng lứa tuổi.
2. Có khó khăn về ngôn ngữ, giao tiếp, với các biểu hiện đặc trưng: chậm nói, ngôn ngữ bất thường, nhại lời, rập khuôn; không biết khởi đầu, duy trì hội thoại; không biết chơi giả vờ, tưởng tượng.
3. Hành vi định hình, rập khuôn, thu hẹp: hành vi định hình, lặp đi lặp lại; chơi rập khuôn; ý thích, mối quan tâm thu hẹp.

Theo DSM-IV (Hiệp hội khuyết tật trí tuệ và khuyết tật phát triển Hoa Kỳ, 2007), rối loạn phổ tự kỉ (rối loạn phát triển lan tỏa) được chia làm 5 nhóm [3][4]: Rối loạn tự kỉ điển hình (Autistic Disorder), Rối loạn Asperger (Asperger Disorder), Rối loạn bất hòa nhập tuổi ấu thơ (CDD - Childhood Disintegrative Disorder), Rối loạn Rett (Rett Disorder) và Rối loạn phát triển lan tỏa - Không điển hình (PDD - NOS: Pervasive Developmental Disorder - Not Otherwise Specified).

Tất cả các rối loạn nằm trong phổ tự kỉ đều gây ra những khiếm khuyết về chức năng giao tiếp, xã hội và khả năng tưởng tượng. Tuy nhiên, chúng có sự khác nhau về mức độ, phạm vi ảnh hưởng, thời điểm khởi phát và tiến triển của triệu chứng theo thời gian [3].



Hình 1.

2.2. Tự kỉ chức năng cao

2.2.1. Khái niệm tự kỉ chức năng cao

Tự kỉ chức năng cao là một rối loạn phát triển, có những biểu hiện đặc trưng sau: (1) Khó khăn điển hình trong tương tác và quan hệ xã hội; (2) Thiếu hụt sự đồng cảm nhưng ở mức độ nhẹ hơn so với rối loạn tự kỉ điển hình; (3) Có các hành vi rập khuôn và sở thích định hình, đặc biệt có xu hướng quá tập trung vào những chủ đề yêu thích (Klin & Volkmar, 1999; Myles, 2005; Thede & Coolidge, 2007). Ngoài ra, trẻ tự kỉ chức năng cao thông thường có khả năng nhận thức (thể hiện ở chỉ số thông minh, IQ) cao hơn mức trung bình, thậm chí nhiều trẻ còn đạt ở mức vượt trội và thường phát triển tốt các kĩ năng có liên quan đến cấu trúc ngôn ngữ (như sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp). Tuy nhiên, trẻ tự kỉ chức năng cao chỉ sử dụng các mẫu câu đúng ngữ pháp đó một cách máy móc, chứ không sử dụng được ngôn ngữ như mục đích giao tiếp, nên các trẻ này vẫn luôn gặp khó khăn trong việc thiết lập giao tiếp. Do vậy, tự kỉ chức năng cao được coi là dạng nhẹ nhất trong rối loạn phổ tự kỉ (xem [5, p.3]).

2.2.2. Những đặc trưng liên quan đến lĩnh vực giao tiếp và tương tác xã hội của trẻ tự kỉ chức năng cao

* *Kĩ năng / Tương tác xã hội*

- Khó khăn trong tương tác với người khác, mặc dù luôn có mong muốn kết bạn.
- Khó khăn trong việc khởi xướng và / hoặc duy trì các mối quan hệ xã hội.

- Khó khăn trong việc tuân theo các quy tắc / luật lệ xã hội.
- Khó khăn trong việc hiểu biểu lộ khuôn mặt, cử chỉ và / hoặc giọng điệu.
- Hạn chế trong việc giao lưu xã hội và / hoặc tình cảm.
- Hạn chế tham gia các hoạt động xã hội.
- Khó khăn trong việc hiểu ý định của người khác.
- Thường xuyên có những thay đổi xã hội không thích hợp.
- * *Hành vi / Sở thích định hình*
- Có những hành vi lặp đi lặp lại (vỗ tay, gõ tay...).
- Tuân thủ theo các thói quen và/hoặc nghi lễ.
- Chú ý đến chi tiết hơn là tổng thể của đối tượng.
- Biểu hiện sở thích hạn hẹp về các chủ đề (như thời tiết, loại ô tô...).
- Chỉ tập trung vào các tương tác xã hội có liên quan đến chủ đề đã được xác định.
- * *Ngôn ngữ / Giao tiếp*
- Không có biểu hiện rõ ràng về chậm trễ ngôn ngữ hoặc vẫn có khả năng giao tiếp.
- Khó khăn trong việc khởi xướng và / hoặc duy trì hội thoại.
- Có xu hướng quá tập trung nói về các chủ đề theo sở thích.
- Khó khăn thực hiện luân phiên trong giao tiếp.
- Khó trả lời rõ ràng lại các ý kiến hoặc câu hỏi của người khác.
- Sử dụng các ngôn từ quá trang trọng trong các hội thoại xã hội thông thường.
- Sử dụng ngữ điệu khác thường khi giao tiếp với người khác.
- Khó hiểu các câu nói đùa, câu mang nghĩa bóng và / hoặc các thành ngữ.

2.2.3. Trẻ tự kỉ chức năng cao học hòa nhập cấp tiểu học

Ở lứa tuổi mẫu giáo, trẻ tự kỉ chức năng cao hầu như được các giáo viên phát hiện có các vấn đề hành vi (như tăng động, không chú ý, quá khích hoặc khó chấp nhận sự thay đổi) nhiều hơn là các vấn đề có liên quan đến kỹ năng xã hội và tương tác bạn bè. Tuy nhiên, trong môi trường lớp học ở bậc tiểu học, trẻ tự kỉ chức năng cao mới thể hiện rõ rệt những khó khăn về các kỹ năng học đường như tính toán, đọc, khó hòa nhập vào thế giới xã hội, có các hành vi không thích hợp hay có các sở thích “ám ảnh”. Thực tế cho thấy chỉ có khoảng 64% trẻ tự kỉ chức năng cao mới được chẩn đoán chính thức ở tuổi 11 (Church và cộng sự, 2000) [5;5-6].

Các khó khăn đặc thù của trẻ tự kỉ chức năng cao học hòa nhập cấp tiểu học xuất phát từ các kỹ năng xã hội, bao gồm: (1) Thiếu nhận thức cơ bản, rõ ràng về các luật lệ xã hội; (2) Thiếu các câu thông dụng; (3) Hiểu sai các tín hiệu xã hội và các thông điệp không lời; (4) Có các thói quen và hành vi khó chấp nhận (Gagnon & Myles, 1999). Nhiều trẻ tự kỉ chức năng cao cũng thể hiện những khó khăn về hành vi trong môi trường lớp học như: phản ứng thái quá, bùng nổ, giận dữ. Nguyên nhân của các hành vi này không phải do ác ý mà xuất phát của từ việc thiếu hiểu biết, bị stress, các kỹ năng không linh hoạt, nghèo nàn hoặc thiếu kiểm soát đối với môi trường (Myles & Southwick, 2005). Ngoài ra, trẻ tự kỉ chức năng cao cũng bắt đầu biểu hiện những khó khăn khi

giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập, bởi các em khó giải quyết các nhiệm vụ học tập truyền thống trên lớp, mặc dù nhiều em có khả năng nhận thức trên mức độ trung bình. Những khó khăn nảy sinh về các kĩ năng học đường, hành vi và tương tác xã hội trong môi trường lớp học kể trên sẽ luôn khiến trẻ tự kỉ chức năng cao cảm thấy lúng túng, tức giận và tâm lí đó ảnh hưởng, làm cản trở việc lĩnh hội nhận thức cũng như tham gia hòa nhập của các em rất nhiều [5;5-6].

Với những khó khăn về khả năng nhận thức và những hạn chế về hiểu biết xã hội, về các quy tắc, luật lệ xã hội và không có khả năng hiểu ý định của người khác, trẻ tự kỉ chức năng cao sẽ càng ngày càng gặp khó khăn khi tham gia vào các hoạt động ở môi trường hòa nhập cấp tiểu học nói riêng và các cấp học khác cao hơn nói chung. Điều này đòi hỏi các nhà giáo dục phải nắm rõ được các kĩ năng xã hội và khả năng tương tác còn thiếu và yếu của trẻ, từ đó có các biện pháp rèn luyện phù hợp được lồng ghép trong các chương trình giáo dục cá nhân để giúp các em hạn chế điểm yếu, phát huy được điểm mạnh, từng bước hòa nhập vào môi trường học tập tốt hơn.

2.3. Đánh giá và một số chiến lược rèn luyện kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội cho trẻ tự kỉ chức năng cao

Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lí giữa con người với con người, qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau.

Kĩ năng giao tiếp là khả năng nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và những biểu hiện tâm lí bên trong của đối tượng và bản thân của chủ thể giao tiếp, là khả năng sử dụng hợp lí các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều chỉnh quá trình giao tiếp nhằm đạt mục đích giao tiếp.

Tương tác xã hội là sự tác động qua lại giữa các cá nhân với nhau trong môi trường xã hội nhằm thiết lập các cách thức giao tiếp phù hợp.

2.3.1. Đánh giá và lập kế hoạch rèn kĩ năng giao tiếp, tương tác xã hội cho trẻ

Đối với trẻ tự kỉ chức năng cao, mục tiêu đánh giá để đưa ra các biện pháp rèn luyện kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội sau này được đề cập đến bao gồm [6]:

1. Xác định các kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội mà trẻ cần phải học.
2. Xác định các chiến lược có hiệu quả nhất để giảng dạy những kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội phù hợp với khả năng của trẻ.
3. Xây dựng mô hình trị liệu phù hợp (có thể là cá nhân hoặc theo nhóm).

Các nội dung cần đánh giá cụ thể bao gồm:

- *Khả năng hiểu ngôn ngữ:* Là các vấn đề trong ngôn ngữ ứng dụng - là ngôn ngữ dùng để duy trì hoặc bắt đầu một cuộc trò chuyện. Đây là cơ sở giúp người đánh giá xác định rõ các chiến lược rèn luyện các kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội phù hợp cho trẻ. Hầu như trẻ tự kỉ chức năng cao đều có khả năng ngôn ngữ nhất định, nhưng các em thường có khó khăn trong việc hiểu ý nghĩa của từ, nhất là hiểu nghĩa bóng của từ, các từ trừu tượng, ẩn dụ và các câu châm ngôn.

- *Độ tập trung chú ý:* Đây là cơ sở giúp người đánh giá xác định rõ hình thức giáo dục, theo cá nhân hay theo nhóm, dựa trên việc sẵn sàng đáp ứng và tham gia vào các hình thức hoạt động phù hợp của trẻ. Bởi nhiều trẻ tự kỉ chức năng cao có kèm theo chứng tăng động, giảm tập trung,

với nghĩa là các em thực sự không thể duy trì sự chú ý. Chính sự xao nhãng này khiến các em chưa có sự tập trung cần thiết để tham gia vào các hoạt động, nhất là trong các hoạt động nhóm.

- *Khả năng tham gia nhóm*: Hay nói cách khác là khả năng ghép nhóm. Để làm được điều này, không phải dựa trên độ tuổi thực của trẻ mà đôi khi điều quan trọng là dựa vào khả năng nhận thức ngôn ngữ tương đồng của các em. Đặc biệt, khi trong một nhóm trẻ tự kỉ chức năng cao tuổi thanh thiếu niên, với tỉ lệ trẻ nam nhiều hơn trẻ nữ thì việc nhiều em nam cố gắng thể hiện để gây sự chú ý với các em nữ trong một nhóm lại là điều khích lệ tích cực với các em.

- *Xác định các kỹ năng mục tiêu*: Cần được thực hiện bằng việc thu thập thông tin từ phía phụ huynh hoặc giáo viên của trẻ trong Bảng các kỹ năng xã hội. Bảng này bao gồm danh sách 70 kỹ năng khác nhau liên quan đến ngôn ngữ ứng dụng (kỹ năng giao tiếp), trò chơi phối hợp, ứng phó với sự trêu chọc và quản lý mối quan hệ bạn bè. Kết quả của bảng danh sách này sẽ giúp xác định rõ được các kỹ năng giao tiếp cần hỗ trợ, rèn luyện ở trẻ.

- *Làm việc cá nhân*: Nhằm xác định các kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội mà mỗi trẻ cần được ưu tiên để rèn luyện. Người đánh giá sẽ đưa ra Bảng đánh giá kỹ năng và nhiệm vụ của mỗi cá nhân là sắp xếp theo các thứ tự ưu tiên lần lượt các kỹ năng đó. Bảng đánh giá kỹ năng bao gồm: Tư thế lắng nghe, duy trì cuộc hội thoại, bắt đầu cuộc hội thoại, tham gia vào các cuộc hội thoại, chủ đề nhạy cảm, chơi trò chơi, rủ người khác chơi cùng, sự thỏa hiệp, giữ bình tĩnh, ứng phó với sai lầm, hiểu cảm xúc của người khác và ứng phó với sự trêu chọc.

- *Làm việc theo nhóm nhỏ*: Mỗi nhóm nhỏ này bao gồm 4-7 học sinh. Kết quả thông tin thu được từ các bảng đánh giá kỹ năng của nhóm sẽ được người đánh giá tổng hợp, từ đó xác định được các kỹ năng và nhóm kỹ năng cần được rèn luyện theo từng tuần, phụ thuộc vào khả năng hiểu và khái quát kỹ năng của nhóm học sinh đó.

- *Làm việc với cả lớp*: Được tiến hành từ giáo viên đối với các học sinh của toàn lớp. Kết quả đánh giá này sẽ giúp giáo viên, nhà giáo dục sau đó đưa ra được mục tiêu rèn luyện kỹ năng chung cho toàn lớp.

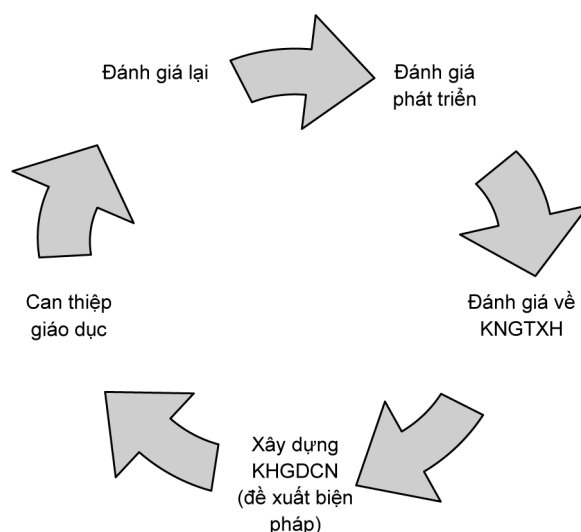
Quy trình đánh giá kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội cho trẻ tự kỉ chức năng cao có thể được tiến hành theo các bước như Sơ đồ 1 [8].

Trong các bước thuộc quy trình đánh giá trên, một số công cụ đánh giá kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội phù hợp dành cho trẻ tự kỉ chức năng cao được sử dụng như sau:

- *Đánh giá phát triển*: Sử dụng công cụ Thang đánh giá tâm lý phát triển Kyoto (Nhật Bản) nhằm mục đích tìm ra được các khả năng từng lĩnh vực phát triển (vận động - nhận thức - ngôn ngữ, tương tác xã hội) của trẻ. Ngoài ra có thể sử dụng thang đo WISC-IV (phiên bản tiếng Việt) để đánh giá năng lực nhận thức qua chỉ số thông minh (IQ) ở trẻ.

- *Đánh giá về kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội*: Có thể sử dụng một số công cụ tương ứng với lứa tuổi của trẻ. Đối với trẻ lứa tuổi tiểu học trở lên, sử dụng công cụ Social Responsiveness Scale (SRS) - Constantino & Gruber, 2005. Ngoài ra, có thể sử dụng tham khảo Thang đo Gilliam (Gilliam Rating Autism Scale - GARS, Jame E. Gilliam, 1995) dành cho trẻ từ 3-22 tuổi để đánh giá mức độ lĩnh vực ngôn ngữ và khả năng tương tác xã hội.

- *Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân*: Trong đó bao gồm cả việc đưa ra các biện pháp rèn luyện kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội còn yếu và thiếu ở trẻ.



Sơ đồ 1.

- *Can thiệp giáo dục*: Hiện thực hóa các biện pháp và các nội dung trong bản kế hoạch giáo dục cá nhân vào thực tiễn.

- *Đánh giá lại*: Bao gồm cả các đánh giá phát triển và đánh giá về kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội, để đưa ra định hướng can thiệp tiếp theo.

2.3.2. Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

Nhằm giúp các trẻ tự kỉ chức năng cao rèn luyện và củng cố các kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội nói trên, trong điều kiện lớp tiểu học hòa nhập, giáo viên có thể áp dụng một số chiến lược rèn luyện như sau [7,9]:

- *Rèn luyện thử nghiệm riêng biệt (Discrete trial training - DTT)*: Giúp các em học những từ cơ bản để sau đó các em có thể hồi đáp lại những hướng dẫn và câu hỏi bằng lời, giúp học sinh duy trì giao tiếp mắt và nhận ra các đồ vật, hành động và tính từ. Luông phải đảm bảo được bốn thành tố: Một tín hiệu, nhắc nhở, hành vi và củng cố.

Ví dụ: Để dạy về từ “Hình tròn”, tín hiệu - “Chạm vào hình tròn”, nhắc nhở - Cầm ngón tay của trẻ chỉ vào hình tròn, hành vi - Chạm vào tranh vẽ hình tròn hoặc các hình có dạng hình tròn, củng cố - Lời khen hoặc phần thưởng khi trẻ chỉ đúng.

- *Dạy ngẫu nhiên*: Được tiến hành việc dạy học sinh trong các tình huống xã hội lúc nó xảy ra, hoàn toàn không phải là một bài học lên sẵn dàn bài, nhằm nhấn mạnh bối cảnh giao tiếp khi chúng diễn ra để học sinh nhận ra các tín hiệu, quy tắc, cảm xúc và cảm nhận của người khác. Có thể được sử dụng trong thời gian hoạt động của các nhóm, khi đó các em sẽ được đối thoại và vui chơi không theo dàn bài sẵn. Điều quan trọng là nhà giáo dục phải luôn có sự hướng dẫn, giải thích, kèm cặp để các em có thể hiểu được tình huống và điều chỉnh được hành vi.

Ví dụ: Trong cuộc hội thoại nhóm, khi thấy một học sinh uể oải, không tập trung, giáo viên có thể chuyển hướng chủ đề bằng việc yêu cầu các thành viên khác trong nhóm hỏi han, trao đổi